

BÁO CÁO

Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về môi trường và thực hiện chính sách, pháp luật về căn cước công dân

Thực hiện yêu cầu của Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội tại Công văn số 1485/UBQPAN13 ngày 7/3/2014 về việc khảo sát tình thực hiện chính sách, pháp luật về môi trường và tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về căn cước công dân trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định báo cáo như sau:

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH LIÊN QUAN

Bình Định là tỉnh duyên hải Nam Trung bộ với diện tích 6.025 km², trải dài 110 km theo hướng Bắc- Nam, phía Bắc giáp với tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp với tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp với tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp với Biển Đông, với bờ biển dài hơn 134 km.

Về hành chính, Bình Định có 1 đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh (thành phố Quy Nhơn), 1 thị xã (An Nhơn), 3 huyện miền núi (An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh), 2 huyện trung du (Hoài Ân, Tây Sơn), 4 huyện đồng bằng (Hoài Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Tuy Phước). Toàn tỉnh có 159 đơn vị hành chính cấp xã với 21 phường, 12 thị trấn và 126 xã. Với hệ thống giao thông thuận lợi với tuyến đường sắt Bắc – Nam và Quốc lộ 1A, chạy xuyên suốt chiều dài của tỉnh cùng với Quốc lộ 19 và cảng biển Quy Nhơn, Bình Định có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, được xem là một trong những cửa ngõ ra biển của các tỉnh Tây Nguyên, vùng Nam Lào và đông bắc Campuchia.

Về dân số, Bình Định hiện có 1.679.962 người, trong thành thị chiếm 25%, nông thôn chiếm 75%, mật độ dân số 247 người/km². Ngoài dân tộc kinh có gần 40.000 người thuộc các dân tộc khác cùng sinh sống nhưng chủ yếu là 03 dân tộc Chăm, Ba Na, Hrê sinh sống ở các huyện miền núi và trung du.

Thực hiện chính sách mở cửa, thu hút đầu tư phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, trên địa bàn tỉnh Bình Định đã hình thành nhiều cụm, khu công nghiệp, chủ yếu tập trung ở địa bàn thành phố Quy Nhơn và một số huyện lân cận, thu hút nhiều lao động từ các địa phương khác đến làm việc và sinh sống. Bên cạnh đó, hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các cơ sở dạy nghề ngày càng được nâng cấp và mở rộng với số lượng lớn sinh viên, học sinh từ khắp các vùng miền đến học tập. Ngoài ra, Bình Định cũng là một địa điểm du lịch nổi tiếng, với nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử mang tầm quốc gia, nên số lượng khách trong và ngoài nước đến tham quan du lịch và thăm thân rất đông; cùng với đó các loại hình dịch vụ cũng phát triển mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu của du khách.

Phần A
VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH. PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG
I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .

1. Công nghiệp:

Tỉnh Bình Định có 01 khu kinh tế , 3/5 khu công nghiệp, 23/39 cụm công nghiệp, 54 làng nghề đang hoạt động; có khoảng 4900 doanh nghiệp trong nước và 38 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hiện nay có khoảng 70% doanh nghiệp đã đi vào hoạt động trong các khu, cụm công nghiệp và hầu hết đã lập hồ sơ pháp lý về môi trường, xây dựng hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn theo quy định, tuy nhiên vẫn diễn ra tình trạng lén lút xả thải ra môi trường, ảnh hưởng đến một số hộ dân đang sinh sống trong khu vực xung quanh. Mặt khác, việc quy hoạch xây dựng các khu, cụm công nghiệp nhưng một số cụm công nghiệp chưa xây dựng hệ thống xử lý chất thải tập trung, dẫn đến một số doanh nghiệp xả thải không đúng nơi quy định; chất thải công nghiệp được xử lý tại cơ sở bằng cách chôn lấp, tiêu hủy tại cơ sở hoặc đưa chung vào chất thải sinh hoạt.

2. Tài nguyên khoáng sản:

Các doanh nghiệp hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh hầu hết thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về môi trường; tuy nhiên trong quá trình triển khai chưa thực hiện đầy đủ hoặc chưa thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ môi trường đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nông nghiệp, nông thôn, làng nghề:

Hầu hết tại các làng nghề, loại hình sản xuất, kinh doanh là kinh tế hộ gia đình, quy mô sản xuất nhỏ, phân tán rải rác trong khu dân cư. Công nghệ sản xuất lạc hậu, các thiết bị cũ, quá trình phát triển tự phát, không đủ vốn và không có công nghệ xử lý chất thải. Đây chính là một trong những nguyên nhân của tình trạng ô nhiễm môi trường về nước thải, khói bụi.

Đối với hoạt động chăn nuôi: nhìn chung các trang trại chăn nuôi với số lượng lớn đều thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy định, chăn nuôi tập trung theo quy mô công nghiệp. Tuy nhiên, còn phổ biến mô hình chăn nuôi phân tán, quy mô nhỏ lẻ hộ gia đình, chăn nuôi mùa vụ; vì vậy, các thủ tục bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, các biện pháp thu gom và xử lý chất thải không được thực hiện đầy đủ đúng theo quy định đã gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng không tốt đến chất lượng đời sống nhân dân trong khu vực.

4. Quản lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại chủ yếu phát sinh từ các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, hoạt động khai khoáng, bệnh viện và hoạt động thu gom, vận chuyển, mua bán chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 84 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đăng ký chủ nguồn thải nguy hại, trong đó tập trung chủ yếu là các cơ sở y tế và một số doanh nghiệp có vốn Nhà nước, còn các DNTN thì chưa thực sự quan tâm đến vấn đề này. Bình Định có một đơn vị được cấp giấy phép vận chuyển chất thải nguy hại cho ngành y tế với số lượng vận chuyển là khoảng 100 tấn, còn lại các chất thải nguy hại khác vẫn chưa có đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý. Đây cũng là một trong những khó khăn trong công tác quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

Các đối tượng hoạt động thu gom, vận chuyển, mua bán chất thải nguy hại như bình acquy chì đã qua sử dụng, dầu nhớt thải nhưng không thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý, kinh doanh chất thải nguy hại đã và đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân trong khu vực.

5. Y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm:

- *Về y tế:* Thời gian qua công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh cơ bản đã thực hiện tốt các nội dung trong hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, còn có một số cơ sở khám chữa bệnh chưa thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường như: không lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ; chưa xây nhà chứa rác thải; chưa dán kí hiệu phân loại các thùng chứa chất thải rắn theo quy định và chưa lập thủ tục đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại.

Đối với việc xử lý rác thải y tế nguy hại, toàn tỉnh có 14 lò đốt chất thải rắn y tế nguy hại. Trong đó chỉ có một lò tại bệnh viện Lao và bệnh phổi thuộc diện phải được cấp phép xử lý, tiêu hủy; tuy nhiên cơ sở này chưa đủ điều kiện cấp phép (không có kho lạnh). Đối với các lò đốt còn lại, tự xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở, nên theo quy định tại Thông tư 02/2011/TT-BTNMT không thuộc đối tượng hoạt động xử lý chất thải nguy hại phải có giấy phép.

- *Vệ sinh an toàn thực phẩm:* Hầu hết các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đều nằm trong khu dân cư, hoạt động nhỏ lẻ, không có giấy phép kinh doanh, không có cam kết bảo vệ môi trường, xả nước thải trực tiếp ra môi trường không qua xử lý... một số cơ sở sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai và nước giải khát, sản xuất

nước mắm không có giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm, không có cam kết bảo vệ môi trường.

II. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường

Nhằm cụ thể hóa các nội dung chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy định chi tiết để triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Quyết định số 118/2005/QĐ-UBND ngày 24/10/2005 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 41/NQ-TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước;

- Quyết định 130/2002/QĐ-UBND ngày 01/10/2002 ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường cho các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 quy hoạch tổng thể quản lý chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020;

- Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 16/10/2009 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với UBND các huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường;

- Quyết định 562/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch hành động về bảo vệ Đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Kế hoạch hành động quốc gia về Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2020.

- Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

2. Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và công tác kiểm định tiêu chuẩn môi trường.

Trong năm 2013, UBND tỉnh đã phê duyệt 23/28 Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM) của các doanh nghiệp.

Nhằm tăng cường công tác bảo vệ môi trường của các đơn vị sau khi được phê duyệt Báo cáo ĐTM, UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 2265/UBND-KTN ngày 22/6/2012 v/v yêu cầu các doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án. Theo đó, năm 2013, đã kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại 17 dự án được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo ĐTM và đến nay có 12 đơn vị được cấp Giấy xác nhận hoàn thành.

3. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường.

Từ năm 2013 đến nay, các cơ quan chức năng đã tiến hành 09 cuộc thanh tra, kiểm tra trên lĩnh vực bảo vệ môi trường. Qua thanh tra, kiểm tra đã xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với 18 doanh nghiệp với tổng số tiền 161.500.000 đồng. Cụ thể:

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại làng nghề chế biến tinh bột mì xã Hoài Hảo, huyện Hoài Nhơn.

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai và bảo vệ môi trường đối với các tổ chức trên địa bàn huyện Phù Cát

- Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động nạo vét hút cát tại Sông Hà Thanh thuộc phường Nhơn Bình của Tập đoàn Phúc Lộc.

- Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty cổ phần thương mại sản xuất Khải Vy trong khu công nghiệp Long Mỹ và Công ty cổ phần Cơ khí Quang Trung trong khu công nghiệp Phú Tài.

- Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH MTV Nhật Nam Hưng tại khu công nghiệp Long Mỹ.

- Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Cẩm con cò tại khu công nghiệp Phú Tài.

- Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Cẩm con cò tại khu công nghiệp Phú Tài.

- Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường và sử dụng đất tại cụm Công nghiệp Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn

- Kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác Bảo vệ môi trường đối với DNTN Thành Phú.

4. Thực trạng cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát môi trường.

Căn cứ Quyết định số 10955/QĐ- X11 ngày 24/12/2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục xây dựng lực lượng CAND về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Công an tỉnh Bình Định đã có Quyết định số 1352/QĐ-CAT-PX13 ngày 18/5/2011 về việc tổ chức lại Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường (PC49), đến thời điểm hiện nay cơ cấu phòng PC49 có 04 Đội công tác bao gồm:

- Đội tham mưu – Kiểm định (Đội 1)

- Đội phòng, chống tội phạm về môi trường trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng cơ bản, môi trường đô thị (Đội 2)

- Đội phòng, chống tội phạm về môi trường trong lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản, đa dạng sinh học, nông nghiệp nông thôn, làng nghề (Đội 3)

- Đội phòng, chống tội phạm về môi trường trong lĩnh vực thương mại, xuất khẩu, y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm và các lĩnh vực khác (Đội 4)

Công an tỉnh Bình Định đã được Bộ Công an trang bị 12 bộ thiết bị kỹ thuật môi trường và tự trang bị 01 bộ thiết bị định vị GPS cầm tay.

Các thiết bị kỹ thuật môi trường được sử dụng vào mục đích trinh sát, quan trắc môi trường, nắm tình hình phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trong những năm qua, lực lượng Cảnh sát môi trường toàn tỉnh đã làm tốt công tác tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về môi trường; đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 20/4/2009 và Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 24 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong thời kỳ hội nhập và tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 26/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản

lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản, Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 ban hành “Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh”, đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác bảo vệ môi trường.

5. Công tác phối hợp với các lực lượng liên quan trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường.

Hằng năm, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp, tiến hành tổ chức rà soát, thống kê và lập danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới phát sinh cùng các biện pháp xử lý triệt để theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03/7/2007 và Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012.

Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng, chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh; Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Công an các huyện, thành phố; và các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn tỉnh. Điển hình:

- Qua công tác nắm bắt tình hình, phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường phát hiện trung tâm Asia Hawaii Ventures Bình Định thuộc Công ty TNHH Asia Hawaii Ventures có địa chỉ ở thôn 7, xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định trong quá trình hoạt động nuôi tôm trên cát xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Phòng PC49 đã tiến hành kiểm tra, lập biên bản vi phạm đồng thời có công văn chuyển cho Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xử phạt và tổ chức truy thu đối với hành vi trốn nộp phí bảo vệ môi trường.

- Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường (PC49) đã phối hợp với Chi cục Bảo vệ môi trường và Trạm kiểm soát giao thông Tuy Phước – phòng PC67 tiến hành kiểm tra xe ô tô BKS 54T-2689 do ông Ngô Kim Phú ở An Nhơn, Bình Định làm tài xế vận chuyển 9,3 tấn phế liệu trong đó có 1 tấn là bình ắc quy chì đã qua sử dụng (chất thải nguy hại). Qua xác minh được biết số hàng nói trên là của ông Hà Văn Thành, giám đốc Công ty Hồng Hoa ở An Nhơn thuê vận chuyển vào tỉnh Đồng Nai để tiêu thụ. Phòng PC49 đã tiến hành lập biên bản và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định xử lý vi phạm hành chính.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND thành phố Quy Nhơn, Phòng Cảnh sát môi trường – Công an tỉnh và UBND phường Bùi Thị Xuân kiểm tra các Công ty xả thải bột đá ra môi trường tại khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát môi trường- Công an tỉnh; UBND thành phố Quy Nhơn; UBND phường kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo đơn khiếu nại của công dân, cụ thể:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND thành phố Quy Nhơn; UBND phường Nhơn Bình đã tiến hành kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động nạo vét hút cát tại Sông Hà Thanh thuộc phường Nhơn Bình của tập đoàn Phúc Lộc.

Kiểm tra Cơ sở cơ khí Đức Hạnh (phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn) và Công ty TNHH SXTM Cơ khí Long Quân (phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn) sản xuất gia công cơ khí phát ra tiếng ồn và gây ô nhiễm môi trường.

Nhìn chung, Công tác phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường ngày càng được củng cố, hoàn thiện, cơ bản hình thành được mối quan hệ phối hợp thường xuyên với các đơn vị, các lực lượng trong và ngoài ngành.

6. Đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại, khó khăn

a) Đánh giá chung

Hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường được kiện toàn ở các cấp, năng lực quản lý được tăng cường, trong đó có việc thành lập Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường- Công an tỉnh đã hỗ trợ công tác giám sát môi trường trong toàn tỉnh. Hoạt động truyền thông môi trường ngày càng phát triển và nhân rộng. Theo đó, tình hình chấp hành công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở ngày càng được chú trọng hơn.

Hoạt động của Cảnh sát môi trường bước đầu đã góp phần giải quyết các vấn đề ô nhiễm, hủy hoại môi trường gây bức xúc trong nhân dân, hạn chế hơn tình trạng khiếu kiện, khiếu nại kéo dài và cản trở hoạt động của doanh nghiệp, tạo được sự đồng thuận và ủng hộ của nhân dân góp phần làm chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Qua đó đã huy động được lực lượng quần chúng nhân

dân vào cuộc. Nhiều vụ việc phát hiện và xử lý trong thời gian qua là nhờ từ tin báo, phản ánh của tổ chức, đoàn thể và quần chúng nhân dân.

b) Tồn tại, vướng mắc

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, còn có sự chồng chéo giữa các Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác về bảo vệ môi trường.

- Tại chương XVII Bộ luật Hình sự quy định về tội phạm môi trường đã được sửa đổi, bổ sung song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn trong phòng ngừa, đấu tranh xử lý tội phạm về môi trường, cụ thể như: một số khái niệm quy định trong điều luật còn mang tính định tính và chưa có hướng dẫn cụ thể như thế nào là “ ô nhiễm nghiêm trọng(Điều 182, 182a, 182b); gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng” ở đa số các điều trong chương XVII gây khó khăn cho việc định tội danh và khung hình phạt, dễ xảy ra xung đột trong hoạt động tố tụng cũng như việc áp dụng thống nhất ở từng địa phương. Mặt khác, đối với tội phạm môi trường, bộ luật Hình sự chưa quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân, tổ chức trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự khi xâm hại đến môi trường với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội.

- Vi phạm pháp luật về môi trường diễn ra khá phức tạp, phổ biến trên nhiều địa bàn, lĩnh vực. Cơ sở vật chất kỹ thuật, nhất là phương tiện, thiết bị kiểm định môi trường mới chỉ đáp ứng một phần yêu cầu nhiệm vụ, vì các thiết bị kiểm định môi trường được trang bị chỉ được sử dụng phục vụ cho công tác trinh sát, nắm tình hình chứ chưa thể sử dụng kết quả phân tích của các thiết bị này vào công tác kiểm tra, xử phạt.

- Công tác quy hoạch các khu, cụm công nghiệp... với quy hoạch khu tập trung thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải xây dựng còn thiếu đồng bộ. Trên địa bàn tỉnh mới chỉ có đơn vị xử lý rác thải y tế, vẫn chưa có đơn vị xử lý chất thải nguy hại dẫn đến số lượng lớn chất thải nguy hại chưa được xử lý. Do vậy, công tác đấu tranh và xử lý đối với tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân vi phạm có liên quan đến các loại chất thải nói trên còn gặp nhiều khó khăn.

- Chưa có biện pháp kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả các nguồn xả thải trực tiếp ra sông, lưu vực từ các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, làng nghề, các hoạt động thương mại, dịch vụ, sinh hoạt của dân cư tại các khu dân cư, đô thị.

- Các tổ chức, cá nhân thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ hồ sơ môi trường đã được phê duyệt; chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải như đã cam kết, đăng ký. Nhiều tổ chức, doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý chất thải nhưng không đạt yêu cầu về kỹ thuật hoặc không vận hành thường xuyên.

- Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường ở cấp huyện và xã vẫn còn thiếu về số lượng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn ngày càng tăng cũng như công tác thi hành pháp luật về lĩnh vực môi trường.

c) Nguyên nhân tồn tại, vướng mắc.

** Nguyên nhân từ các quy định của Luật và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường còn một số bất cập, ví dụ:*

- Theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 47 của Luật Khoáng sản quy định hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản bao gồm: *Bản cam kết bảo vệ môi trường đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại*. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 13 và Điều 31 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, ĐTM, cam kết bảo vệ môi trường, chủ dự án phải lập hồ sơ môi trường (ĐTM hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường) trước khi cấp giấy phép thăm dò (*tất cả các loại*) khoáng sản.

- Luật Bảo vệ môi trường quy định các doanh nghiệp được phép xả thải khi chất lượng nước thải đầu ra đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (có tính hệ số khu vực tiếp nhận). Tuy nhiên, doanh nghiệp tiếp tục phải lập hồ sơ xin phép xả thải theo Luật Tài nguyên nước. Khi đó, tiêu chuẩn xả thải còn phải phụ thuộc vào tải lượng ô nhiễm của nguồn tiếp nhận. Dẫn đến trường hợp chất thải phát sinh đủ điều kiện xả thải theo Luật Bảo vệ môi trường nhưng không đủ tiêu chuẩn xả thải theo Luật Tài nguyên nước.

- Tại Điểm c Khoản 1 của Chỉ thị 29/2008/CT-TTg ngày 02/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông quy định *"thời hạn khai thác của một giấy phép không quá 6 tháng"*. Trong khi đó Quyết định 18/2013/QĐ-TTg quy định mỗi lần gia hạn đều phải lập dự án cải tạo, phục hồi môi trường gây khó khăn, phiền hà cho cơ sở, trong khi không có sự thay đổi về quy mô, công suất, vị trí.

- Chưa thống nhất giữa Luật Bảo vệ môi trường và các luật liên quan về thời điểm lập báo cáo ĐTM dẫn đến hiệu quả công tác đánh giá tác động môi trường còn thấp, đôi lúc còn chạy theo chủ trương đầu tư.

** Nguyên nhân từ thực tiễn:*

- Việc chỉ đạo triển khai, đôn đốc và kiểm tra kết quả thực hiện một số nhiệm vụ về bảo vệ môi trường còn chậm, chưa quyết liệt. Việc phát hiện vi phạm BVMT còn khó khăn do quy định phải thông báo trước cho chủ cơ sở trước khi đi thanh kiểm tra, không phù hợp đặc thù của lĩnh vực môi trường.

- Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết hiệu quả về công tác phối hợp giữa các bên.

- Do ngân sách khó khăn nên việc chi cho công tác quản lý và bảo vệ môi trường, đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về môi trường tuy được tăng cường về số lượng và thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ so với yêu cầu hiện nay. Bên cạnh đó, ở cấp xã hiện nay chưa có cán bộ chuyên trách về môi trường gây khó khăn và hạn chế rất nhiều trong việc theo dõi, quản lý môi trường ở cơ sở.

- Tình hình kinh tế khó khăn đối với các doanh nghiệp trong những năm qua là một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế đầu tư cho bảo vệ môi trường, đồng thời cũng là nguyên nhân mà cơ quan có thẩm quyền ít xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

- Đề nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành, cụ thể:

+ Sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường theo hướng cụ thể hóa và điều chỉnh cho phù hợp tình hình, yêu cầu công tác bảo vệ môi trường. Rà soát và hoàn thiện các quy định, hướng dẫn chi tiết về triển khai Luật Bảo vệ môi trường như: quy định các sản phẩm thân thiện môi trường, chính sách hỗ trợ đối với các đơn vị hành nghề quản lý chất thải nguy hại, quy định về xác định trách nhiệm, giám định, đền bù thiệt hại về môi trường,...

+ Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong áp dụng thi hành pháp luật giữa Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước.

+ Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Tài chính ban hành văn bản sửa đổi mức thu phí thẩm định Báo cáo ĐTM ở địa phương (nên tính theo tổng vốn đầu tư); ban hành văn bản hướng dẫn việc thu và chi phí thẩm định Dự án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; kinh

phí cho hoạt động hậu thẩm định. Sửa đổi thông tư 45/2010/TTLT- BTC- BTNMT theo hướng cụ thể hóa việc phân cấp quản lý, nội dung chi, quy trình thẩm định nội dung và dự toán... đối với nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

+ Có Thông tư hướng dẫn cụ thể như thế nào là hành vi gây “ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (Đ 182, 182a, 182b) gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng” ở đa số các điều trong chương XVII; để tạo thuận lợi cho việc định tội danh và khung hình phạt trong hoạt động tố tụng cũng như việc áp dụng thống nhất ở từng địa phương.

+ Đối với tội phạm môi trường, bộ luật Hình sự nên quy định trách nhiệm Hình sự của pháp nhân, tổ chức khi xâm hại đến môi trường với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội.

- Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác, tập huấn, phổ biến pháp luật, đảm bảo về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật như:

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường và các bộ ngành ở Trung ương tăng cường công tác tập huấn, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, học tập trao đổi kinh nghiệm, thông tin giữa các bộ ngành và các địa phương.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường cho cán bộ và nhân dân, làm cho cán bộ và nhân dân thấy rõ đây là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của họ phải thực hiện.

+ Có giải pháp tăng cường biên chế cho địa phương, nhất là cấp huyện, xã để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Có hướng dẫn trang bị phương tiện phục vụ cho công tác thanh, kiểm tra xử lý vi phạm hành chính bảo đảm đạt yêu cầu.

Phần B

VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

1. Triển khai thực hiện văn bản pháp luật về Chứng minh nhân dân (sau đây viết tắt là CMND)

Trên cơ sở Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ quy định về CMND (sau đây viết tắt là Nghị định 05), Thông tư số 04/1999/TT-BCA ngày 29/4/1999 hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định 05 (sau đây viết tắt là

Thông tư 04). Ngày 11/6/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Chỉ thị số 12/CT-UB về tổ chức triển khai Nghị định 05 của Chính phủ, Thông tư 04 của Bộ Công an và mở Hội nghị triển khai, với sự tham gia của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Chủ tịch UBND, Công an cấp huyện. Công an tỉnh là cơ quan Thường trực chủ trì, tham mưu việc tổ chức thực hiện; các ngành có liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện, theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Công an tỉnh đã tổ chức Hội nghị tập huấn nội dung Nghị định 05, Thông tư 04 và các văn bản có liên quan cho Công an các huyện, thị xã, thành phố và tất cả cán bộ làm công tác cấp, quản lý CMND trên địa bàn toàn tỉnh. Gắn với việc sắp xếp rà soát, bố trí những cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác làm công tác cấp, quản lý CMND. Công an tỉnh (Phòng PC64) thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu đối với cán bộ trực tiếp cấp, quản lý CMND. Thông qua công tác cấp CMND tại tỉnh đã lồng ghép, truyền đạt về pháp luật, kỹ năng, kỹ thuật cấp CMND cho cán bộ trực tiếp cấp CMND tại cơ sở. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn đánh giá những ưu điểm, hạn chế khuyết điểm, từ đó có những biện pháp, giải pháp chấn chỉnh, từng bước nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác cấp CMND.

Mặt khác, quá trình thực hiện thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật, những nội dung hướng dẫn mới của Bộ Công an để đảm bảo thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh như: Nghị định 170/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 05; Thông tư 27/2012/TT-BCA ngày 16/05/2012 của Bộ Công an quy định về mẫu CMND; Nghị định 106/2013/NĐ-CP ngày 17/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 05 đã được sửa đổi bổ sung bằng Nghị định 170/2007/NĐ-CP, Thông tư 57/2013/TT-BCA ngày 13/11/2013 của Bộ Công an quy định về mẫu CMND. Hàng năm, Công an tỉnh (phòng PC64) đều có kế hoạch triển khai thực hiện công tác cấp, quản lý CMND trên địa bàn toàn tỉnh và giao chỉ tiêu cụ thể cho Công an các địa phương; gắn với kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện.

2. Triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về tàng thư căn cước công dân

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của Bộ Công an về chế độ công tác hồ sơ như: Quyết định số 886/2003/QĐ-BCA (C11) ngày 17/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công an, Hướng dẫn số 205/C11(C27) ngày 20/01/2004 của Tổng cục CSND; Quyết định số 2826/QĐ-C11(C27) ngày 17/8/2005 của Tổng cục trưởng Tổng cục CSND về việc ban hành Quy trình công tác tàng thư căn cước công dân; Thông tư số 32/2013/TT-BCA-C41 ngày 12/6/2013 Quy định về chế độ công tác hồ sơ, thống kê nghiệp vụ trong lực lượng CSND. Xác định được tầm quan trọng công tác này trong việc lưu trữ, bảo quản thông tin, tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về căn cước công dân, Bình Định đã triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình hướng dẫn của Bộ Công an. Sắp xếp các hồ sơ, tài liệu khoa học đảm bảo tốt nhất việc quản lý, khai thác, sử dụng; kịp thời cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin tài liệu vào tàng thư, tránh để tình trạng “hồ sơ chết”, không có giá trị sử dụng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thực trạng và kết quả công tác cấp CMND

a. Thực trạng

Công tác cấp CMND trên địa bàn tỉnh trong những năm qua, luôn được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Công an để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; với yêu cầu ngày càng tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho công dân .

** Thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (CCTTHC):*

Trước đây, Công an tỉnh (phòng PC64) tiến hành và đảm nhận công tác cấp lại, cấp đổi, cấp mới cho cả 3 huyện miền núi; các huyện, thành phố còn lại chỉ đảm nhận việc làm thủ tục cấp mới và cấp đổi nên gây trở ngại, phiền hà cho nhân dân trong việc đi lại nhất là công dân ở vùng sâu vùng xa, đi lại vất vả, tốn kém về thời gian. Thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính theo Đề án 30 của Chính phủ và Đề án 301 của Bộ Công an, theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Công an tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1945/KH-CAT(PC13) ngày 03/11/2005 về CCTTHC trong cấp giấy CMND; công khai hóa thủ tục, lệ phí, rút ngắn thời gian trả kết quả từ 30 ngày còn 10 đến 15 ngày, phân cấp công tác cấp CMND cho Công an cấp huyện, bỏ khâu trung gian, cải tiến quy trình cấp CMND (trước đây 7 khâu nay còn 4 khâu); Công an các huyện, thành phố tổ chức Tổ cấp CMND lưu động đến tận thôn, xã, phường, thị trấn để cấp CMND; tổ chức thường trực tiếp dân vào ngày tất cả các ngày trong tuần (từ thứ 2 đến thứ 7). Về thủ tục cấp CMND thì các trường hợp cấp đổi lại CMND không cần đơn xác nhận Công an địa phương và không phải qua tra cứu tàng thư PV27 (đối với những CMND đã rõ về số CMND và các thông tin ghi trên giấy CMND). Phối hợp với các cơ sở trường học tổ chức cấp phát CMND cho các em học sinh trong độ tuổi chuẩn bị thi đại học. Ưu tiên cấp CMND cho người lớn tuổi, đối tượng chính sách; cử cán bộ đến trung tâm chăm sóc người có công và đến tận nhà của người già, tàn tật đi lại khó khăn để làm thủ tục cấp CMND, được nhân dân hết sức hoan nghênh, ủng hộ.

- Thực hiện Đề án của Bộ về quản lý, in CMND trên máy vi tính, tất cả các địa phương (11/11 huyện, thành phố, thị xã) trong tỉnh đã triển khai thực hiện công nghệ quản lý, in CMND trên máy vi tính theo Đề án của Bộ, bước đầu đạt được hiệu quả cao trong công tác.

- Công an tỉnh và Bưu điện tỉnh phối hợp xây dựng và thực hiện Kế hoạch 32/KH-LT ngày 20/02/2012 về triển khai chuyển phát CMND hoàn chỉnh qua đường Bưu điện, bắt đầu từ ngày 01/3/2012 đến nay đã có 9.436 trường hợp được giao trả đến tay người dân, tạo sự đồng tình ủng hộ của cán bộ và nhân dân. Đây là việc làm có ý nghĩa thiết thực trong cải CCTTHC.

** Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện*

Trên địa bàn tỉnh có 12 đầu mối trực tiếp thực hiện việc cấp CMND cho công dân, trong đó tại Công an tỉnh (Phòng PC64) và Công an các huyện, thị xã, thành phố (Đội Cảnh sát QLHC về TTXH). Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Công an, UBND tỉnh đầu tư cơ sở hạ tầng hiện nay đã phục vụ được yêu cầu, nhiệm vụ công tác cấp CMND. Nhưng bên cạnh đó, vẫn còn những khó khăn nhất

định như: phòng làm việc còn chật hẹp, được xây dựng sử dụng lâu năm nên xuống cấp, có đơn vị sử dụng chung với phòng lưu trữ hồ sơ hộ khẩu (An Lão), nên gặp những khó khăn trong công tác cấp và bảo quản hồ sơ, tài liệu về CMND.

Từ năm 2009, Bộ Công an triển khai phần mềm in và quản lý CMND, Bình Định đã tổ chức tập huấn cán bộ làm công tác cấp, quản lý CMND trên địa bàn tỉnh, đảm bảo sử dụng hiệu quả các tiện ích trong phần mềm, từng bước nâng cao chất lượng việc in và quản lý CMND. Tuy nhiên, thực tế hiện nay tại các địa phương số lượng và chất lượng các máy vi tính được trang bị từ nhiều nguồn, không đồng đều, nên nhiều trường hợp gặp lỗi hoặc hư hỏng trong quá trình chạy phần mềm.

Nhìn chung, các trang thiết bị, vật tư, phương tiện phục vụ công tác cấp CMND do Bộ Công an cấp cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng của địa phương. Hàng năm, tỉnh đều có thông báo cho các địa phương dự trù biểu mẫu, phương tiện phục vụ công tác cấp CMND nên không dễ xảy ra tình trạng thiếu vật tư, phương tiện làm ảnh hưởng đến công tác này. Tuy nhiên, công tác cấp CMND hiện nay chủ yếu được thực hiện bằng phương pháp thủ công, tốn nhiều thời gian; nhiều trang thiết bị qua sử dụng chất lượng còn thấp, thường xuyên phải sửa chữa, bảo trì nên hiệu quả thực hiện công tác cấp CMND chưa cao.

Cụ thể các trang thiết bị, vật tư, phương tiện do Bộ Công an cấp từ 1999 đến nay như sau:

Vật tư	Bộ cấp	Địa phương mua sắm	Chất lượng	Hiện có	
				Số lượng	Chất lượng
Máy dán ép	01 cái		50%	02	50%
Dao cắt CMND hoàn chỉnh	03 cái		50%	02	50%
Dao cắt ảnh	14 cái		50%	10	50%
Màng dán ép	56 cuộn	735 cuộn	90%	06	90%
Keo dán	18 kg		80%	0	80%
Mực đỏ	66 lọ		90%	06	90%
Mực đen	66 lọ		90%	06	90%
Mực in vân tay	340 tuýp		90%	40	90%
Bộ giảm tốc	02 cái		100%	02	100%
Bộ lăn tay	30 bộ		100%	10	100%
Bếp nhiệt	10 cái		100%	10	100%
Máy kỹ thuật số	0	01 cái	100%	01	60%
Tủ chống ẩm	0				

** Về nhân lực*

Trong những năm qua, Công an tỉnh đã quan tâm bổ sung cán bộ thực hiện công tác cấp CMND, đảm bảo tính kế thừa, thường xuyên được bồi dưỡng hướng dẫn về nghiệp vụ công tác, đảm bảo thực hiện yêu cầu công tác. Nhưng, hiện nay biên chế Công an cấp huyện (Đội Cảnh sát QLHC hiện có 92 người) còn thiếu so với yêu cầu, nhiệm vụ công tác; một số cán bộ chưa được đào tạo qua chuyên

ngành quản lý hành chính về TTXH; cán bộ trực tiếp làm công tác làm công tác cấp CMND tại cấp huyện chuyên trách có 18 người và một số trường hợp kiêm nhiệm và thường xuyên biến động, nên ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả trong công tác cấp CMND.

b. Kết quả

- Qua hơn 14 năm thực hiện Nghị định 05 (từ 30/6/1999 đến 30/11/2013), trên địa bàn tỉnh Bình Định đã giải quyết cấp 1.285.299 hồ sơ CMND, đáp ứng kịp thời nhu cầu chính đáng của công dân trong các quan hệ, giao dịch và đặc biệt đã phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về căn cước công dân. Qua công tác cấp CMND đã phát hiện và điều chỉnh nhiều trường hợp sai thông tin về công dân, cụ thể như sau:

- + Sai họ tên, chữ đệm: 7.025 trường hợp;
- + Sai ngày, tháng, năm sinh: 9.783 trường hợp;
- + Một người sử dụng từ 2-3 số CMND: 1.289 trường hợp;
- + Tráo người làm CMND: 236 trường hợp;
- + Sai thông tin với hồ sơ gốc: 28.747

- Thông qua công tác cấp CMND phục vụ các yêu cầu nghiệp vụ của ngành Công an trong đấu tranh phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật:

- + Đối tượng truy nã và nhận diện đối tượng: 1.078 trường hợp;
- + Truy tìm tung tích nạn nhân: 1.078 trường hợp;
- + Tra cứu phục vụ yêu cầu nghiệp vụ khác của ngành Công an: 18.738 trường hợp.

- Đã xử lý vi phạm hành chính nhiều trường hợp thực hiện không đúng quy định của pháp luật về CMND, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cụ thể:

- + Phạt cảnh cáo: 4.305 trường hợp;
- + Phạt tiền: 33.294 trường hợp; tổng số tiền xử phạt: 2.495.942.000 đồng.

- Kết quả công tác chuyển giao hồ sơ CMND lưu trữ, bảo quản tại tàng thư CCCD phục vụ việc khai thác, sử dụng: 1.285.299 hồ sơ.

2. Kết quả công tác quản lý CMND

Song song với công tác cấp CMND, công tác quản lý CMND được tổ chức thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cấp mới, cấp đổi, cấp mất và việc sử dụng CMND để công dân biết và thực hiện. Các cơ quan có thẩm quyền còn tăng cường kiểm tra việc sử dụng CMND của công dân trên địa bàn tỉnh, kiểm tra cư trú kết hợp với kiểm tra CMND hoặc thông qua công tác cấp CMND phát hiện các trường hợp không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về sử dụng CMND, tiến hành nhắc nhở, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực ANTT.

Theo số liệu thống kê từ 30/6/1999 đến 30/6/2013, toàn tỉnh đã tổ chức 5.150 đợt kiểm tra việc quản lý, sử dụng CMND. Tổng số người được kiểm tra 45.070 người, số người mang theo CMND: 42.880 trường hợp, đạt tỷ lệ 95%.

3. Thực trạng và kết quả công tác quản lý, khai thác, sử dụng tàng thư căn cước công dân

a) Thực trạng

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công an, từ ngày 29/7/2013, Bộ phận tàng thư căn cước công dân đã chuyển từ phòng PV27 sang Phòng PC64 thuộc Công an tỉnh; nhưng vẫn còn đang sử dụng chung trụ sở làm việc với Phòng PV27, chưa bố trí được phòng làm việc tại đơn vị trực tiếp quản lý. Vì vậy, ít nhiều gặp khó khăn trong tổ chức thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ công tác. Về diện tích nơi để hồ sơ tàng thư căn cước công dân khoảng 245m², còn chật hẹp chưa đáp ứng được yêu cầu lưu trữ, quản lý hồ sơ. Hiện nay số lượng hồ sơ tờ khai, chỉ bản và các loại hồ sơ khác cần được lưu trữ trong tàng thư hiện rất nhiều.

Ngoài ra, các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác tàng thư căn cước công dân còn thiếu nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu như máy quét, máy photocopy, các loại tủ, giá đựng hồ sơ, tài liệu... Nhiều trang thiết bị đã qua sử dụng nhiều năm như: máy vi tính, các loại tủ, giá đựng hồ sơ và một số thiết bị khác đã cũ và hư hỏng, rất khó khăn cho việc lưu trữ, bảo quản, khai thác và sử dụng. Tủ đựng hồ sơ tờ khai chỉ bản không cùng kích thước, chủng loại gây khó khăn cho việc lưu trữ hồ sơ. Hồ sơ chỉ bản lưu trữ qua các thời kỳ không cùng chủng loại, dày mỏng khác nhau, có số chỉ bản mỏng bị rách nát hoặc tự rã rất khó cho công tác bảo quản hồ sơ tài liệu. Việc xây dựng, quản lý tàng thư căn cước công dân chủ yếu vẫn mang tính thủ công chưa có phần mềm quản lý gây khó khăn cho việc tra cứu hoặc điều chỉnh, bổ sung thông tin.

- Về nhân lực

Cán bộ trực tiếp thực hiện công tác xây dựng, quản lý tàng thư căn cước công dân còn thiếu nhiều, quân số thường xuyên biến động, chất lượng không đồng đều, trình độ chuyên môn, trình độ tin học còn hạn chế; hiện có 14 đồng chí, trong đó biên chế chính thức chỉ có 04 đồng chí, còn lại 05 cán bộ trưng tập từ đơn vị khác và 05 cán bộ thực tập. Về cơ bản đã thực hiện đạt các yêu cầu, nhiệm vụ đề ra nhưng công tác này chủ yếu thực hiện thủ công, tốn nhiều thời gian, chưa ứng dụng công nghệ thông tin, nên chất lượng, hiệu quả công việc chưa cao.

b) Kết quả

Với chức năng, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, thông tin, tài liệu liên quan đến căn cước công dân, bộ phận tàng thư căn cước công dân trong những năm qua đã phục vụ kịp thời các yêu cầu xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin về công dân của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trên nhiều lĩnh vực phục vụ vô cùng đắc lực, hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực ANTT, đáp ứng yêu cầu giao dịch của cơ quan, tổ chức, công dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Tính riêng trong năm 2013, bộ phận tàng thư căn cước công dân đã tiếp nhận và tra cứu 351.963 hồ sơ các loại, trong đó:

- 856 yêu cầu tra cứu nghiệp vụ phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm của ngành Công an;
- 51.075 hồ sơ đề nghị tra cứu phục vụ công tác cấp, quản lý CMND;
- 2.231 yêu cầu trao đổi thông tin cấp quản lý CMND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tiếp nhận 34.151 hồ sơ cấp mới CMND; 162.270 tờ khai lần sau; 2.790 thẻ điều chỉnh thông tin; 96.300 đơn các loại;
- Tiếp nhận 300 phiếu thông tin thay đổi về nhân, hộ khẩu về điều chỉnh, bổ sung thông tin trong tàng thư;
- 1.372 yêu cầu kết nối thông tin tội phạm;
- 618 yêu cầu lý lịch tư pháp và phục vụ yêu cầu chính đáng khác của công dân.

4. Tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và các nguồn lực bảo đảm khác trong công tác quản lý căn cước công dân

a) Theo mô hình tổ chức hiện tại, bộ phận trực tiếp thực hiện công tác quản lý căn cước công dân trên địa bàn tỉnh được bố trí như sau:

- *Tại tỉnh*: Phòng PC64 thuộc Công an tỉnh Bình Định với 02 bộ phận trực tiếp thực hiện công tác quản lý căn cước công dân với 28 đồng chí:

+ 14 cán bộ thuộc Đội hướng dẫn đăng ký, quản lý cư trú; cấp quản lý CMND và giấy tờ đi lại khác;

+ 14 cán bộ thuộc Đội xây dựng và quản lý tàng thư căn cước công dân;

- *Tại cấp huyện*: hiện có 92 đồng chí, công tác tại Đội CSQLHC về TTXH Công an 11 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

b) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

- Đại học, cao đẳng Công an: 22 đồng chí;

- Đại học, cao đẳng ngành ngoài: 27 đồng chí;

- Trung cấp Công an: 53 đồng chí;

- Trung cấp ngành ngoài: 08 đồng chí;

- Chưa đào tạo, hiện đang theo học các lớp: 10 đồng chí.

+ Trong những năm gần đây, cán bộ làm công tác cấp, quản lý CMND, công tác xây dựng và quản lý tàng thư căn cước công dân được tạo điều kiện nâng cao trình độ nghiệp vụ, trình độ tin học nên chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác này ngày càng được nâng cao đảm bảo thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, Bình Định đều cử cán bộ tham gia tập huấn về công tác cấp, quản lý CMND và xây dựng, quản lý tàng thư căn cước công dân tại Bộ Công an

khi có tổ chức. Ngoài ra, tổ chức tập huấn, hướng dẫn tại Công an tỉnh (phòng PC64) đối với số cán bộ được phân công làm công tác cấp và quản lý CMND; công tác quản lý, khai thác và sử dụng tàng thư căn cước công dân nhưng chưa qua đào tạo chuyên ngành. Qua các đợt tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác, đa phần cán bộ đều nắm được các yêu cầu cơ bản về công tác, sau tập huấn về công tác tại đơn vị đã phát huy được những yêu cầu nghiệp vụ đã đề ra góp phần hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về căn cước công dân; mối quan hệ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Thực hiện Kế hoạch của Cục hồ sơ (C53) – Bộ Công an về điện tử hóa tàng thư tờ khai căn cước công dân, ngày 11/4/2013 Công an tỉnh Bình Định đã phối hợp với Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát nhân dân tiến hành quét toàn bộ dữ liệu về tờ khai CMND trong tàng thư căn cước công dân. Tuy nhiên, đến nay máy quét và hệ thống dữ liệu Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát nhân dân vẫn còn quản lý, chưa có kế hoạch triển khai đưa vào quản lý, sử dụng tại tỉnh.

Đồng thời, Bình Định đã có kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định 90/2010/NĐ-CP ngày 18/8/2010 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh nhưng chủ yếu tiến hành khảo sát về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác, chưa có kế hoạch triển khai dự án cụ thể tại tỉnh khi chưa có chủ trương của Chính phủ, Bộ Công an. Do đó, việc xây dựng mối liên hệ giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu điện tử về căn cước công dân chưa được thực hiện.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

a) Nhờ sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Chính phủ, Bộ Công an, cấp ủy chính quyền địa phương, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành có liên quan trong tỉnh trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nên đã tạo bước chuyển biến tích cực trong công tác cấp và quản lý CMND; công tác quản lý, khai thác và sử dụng tàng thư căn cước công dân trên địa bàn tỉnh.

b) Cán bộ làm công tác cấp, quản lý CMND; công tác quản lý, khai thác và sử dụng tàng thư căn cước công dân luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, đã khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được giao góp phần tích cực trong công tác quản lý nhà nước về ANTT.

2. Tồn tại

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định 05, Thông tư 04 từng nơi, từng lúc ở một số địa phương (chủ yếu cấp xã) chưa thật sự được chú trọng, chưa chủ động còn trông chờ vào sự hỗ trợ của cấp trên. Công tác kiểm tra việc sử dụng CMND từng lúc từng nơi còn chưa được chú trọng nên ý thức của nhân dân trong việc bảo quản và sử dụng CMND chưa cao, dẫn đến tình trạng làm hư hỏng, mất CMND đề nghị cấp lại, đổi lại hàng năm còn nhiều.

b) Điều kiện cơ sở vật chất, các trang thiết bị phương tiện phục vụ công tác còn hạn chế nên chất lượng hiệu quả công việc chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác. Bên cạnh đó, biên chế cán bộ làm công tác cấp, quản lý CMND; công tác quản lý, khai thác và sử dụng tàng thư căn cước công dân còn thiếu, phải kiêm nhiệm nhiều mặt công tác.

c) Việc cấp và quản lý CMND; quản lý, khai thác và sử dụng tàng thư căn cước công dân chủ yếu tiến hành theo phương pháp thủ công, giản đơn, trong khi quy mô dân số ngày càng tăng cao nên đòi hỏi phải có hệ thống, chương trình quản lý hiện đại mới đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý.

c) Cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị phương tiện và các yếu tố cần thiết khác phục vụ công tác quản lý nhà nước về căn cước công dân còn nhiều hạn chế dẫn đến việc triển khai cơ sở dữ liệu điện tử về căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong tương lai rất khó khăn.

d) Đội ngũ cán bộ làm công tác cấp và quản lý CMND; công tác quản lý, khai thác và sử dụng tàng thư căn cước công dân trình độ nghiệp vụ, tin học chưa đồng bộ, nên gặp khó khăn khi ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Bộ Công an nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý về tàng thư căn cước công dân, tiếp tục hoàn thiện phần mềm in và quản lý CMND, tạo tiền đề cho việc triển khai thực hiện hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về căn cước công dân, đảm bảo tính thống nhất và tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật. Cần có văn bản liên ngành hướng dẫn chi tiết giải quyết những trường hợp công dân có sự thay đổi thông tin cá nhân giữa CMND, hộ khẩu, hộ tịch và các loại giấy tờ khác khác, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của công dân.

3. Bộ Công an cần tổ chức đào tạo chuyên sâu về chuyên môn đối với cán bộ thực hiện công tác quản lý về căn cước công dân; đồng thời, có chế độ chính sách phù hợp cho cán bộ làm công tác này.

4. Đề xuất về tuyển dụng biên chế cán bộ APTECH trong việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nhập dữ liệu và mã hóa điện tử tàng thư CCCD, nhằm đảm bảo công tác quản lý, sử dụng, khai thác trước mắt cũng như lâu dài.

5. Bộ Công an cần xây dựng Đề án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và trang bị các thiết bị, phương tiện cần thiết phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về căn cước công dân: Mở rộng diện tích phòng làm việc; trang bị máy móc thiết bị như máy quét, máy vi tính, máy photocopy...trang cấp đồng bộ các loại tủ, giá cùng chủng loại, kích cỡ phù hợp với từng loại hồ sơ và các thiết bị khác như máy lạnh, quạt thông gió, máy hút bụi... để đảm bảo công tác lưu trữ, bảo quản lâu dài.

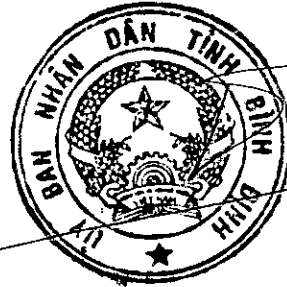
Trên đây là báo cáo về việc thực hiện chính sách, pháp luật về môi trường và thực hiện chính sách, pháp luật về căn cước công dân trên địa bàn tỉnh Bình

Định, kính báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội xem xét./.

Nơi nhận:

- Đoàn khảo sát UB QP&AN QH;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, K4, K11 (T45b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quốc Dũng